

Vinh Cửu, ngày 30 tháng 07 năm 2024

## THÔNG BÁO

V/v: Công khai lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản thi hành án

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quy trình lựa chọn Tổ chức thẩm định giá ban hành kèm theo quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự.

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 03/2022/QĐST-KDTM ngày 24/08/2022; 03/2022/KDTM-ST ngày 14/09/2022; 17/2023/KDTM - ST ngày 25/09/2023; 18/2023/KDTM-ST ngày 26/09/2023; 05/2023/KDTM-ST ngày 15/06/2023; 11/2023/KDTM-ST ngày 15/08/2023; 10/2023KDTM-ST ngày 15/08/2023; 09/2023/KDTM-ST ngày 28/07/2023; 01/QĐST-KDTM ngày 15/03/2023; 04/2021/QĐST-KDTM ngày 23/11/2021; 02/2020/KDTM-ST ngày 25/08/2020; 08/2023/KDTM-ST ngày 29/06/2023; 12-13/KDTM- ST ngày 24/08/2023; 14-15/2023/KDTM ST ngày 31/08/2023 của TAND huyện Vinh Cửu; 27/2019/KDTM-ST ngày 06/11/2019 của TAND TP. Biên Hòa; 39/LĐ-ST ngày 19/09/2023; 60/LĐ-ST ngày 27/09/2023; 36/LĐ-ST ngày 19/09/2023; 50/LĐ-ST ngày 25/09/2023; 85/LĐST; 29/09/2023 ; 66/LĐST ngày 28/09/2023; 68/LĐST ngày 28/09/2023; 51/LĐST ngày 25/09/2023; 89/LĐST ngày 29/09/2023; 09/LĐST ngày 18/09/2023; 40/LĐST ngày 19/09/2023; 45/LĐST ngày 22/09/2023; 49/LĐST ngày 22/09/2023 ; 84/LĐST ngày 29/09/2023; 88//LĐST ngày 29/09/2023; 31- 32-33/LĐST ngày 18/09/2023; 78/LĐST ngày 29/09/2023; 65/LĐST ngày 27/09/2023; 67/LĐST ngày 27/09/2023; 63/LĐST ngày 27/09/2023 ; 41/LĐST ngày 19/09/2023; 35/LĐST ngày 19/09/2023; 69/LĐST ngày 28/09/2023; 80/LĐST ngày 29/09/2023; 37 -38 /LĐST ngày 19/09/2023; 52-53-54-55-56-57-58 -59/LĐST ngày 26/09/2023; 61-64/LĐST ngày 27/09/2023; 72-73-74-75-77/LĐST ngày 28/09/2023; 79-90/LĐST ngày 29/09/2023; 22-23-24-25-26-27/LĐST ngày 07/09/2023; 42- 43-44-46-47-48/LĐST ngày 22/09/2023; 81-82-83-86 /LĐST ngày 29/09/2023; 16/2023/KDTM-ST ngày 22/09/2023 của TAND huyện Vinh Cửu.

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 398/QĐ-CCTHADS ngày 09/11/2022; 655-656/QĐ-CCTHADS ngày 08/03/2023; 304/QĐ-CCTHADS ngày 31/10/2023; 538/QĐ-CCTHADS ngày 05/12/2023; 500/QĐ-CCTHADS ngày 27/11/2023; 22/QĐ-CCTHADS ngày 02/10/2023; 96/THA ngày 04/10/2023; 150/THA ngày 06/10/2023; 193/THA ngày 13/10/2023; 147/THA ngày 06/10/2023; 194/THA ngày 13/10/2023; 94/Tha ngày 04/10/2023; 93/THA ngày 04/10/2023; 728-729/THA ngày 24/03/2023; 230/THA ngày P05/01/2022; 724/THA ngày 31/03/2021; 08-10/THA ngày 02/10/2023; 245-248/THA ngày 26/10/2023; 439-442/THA 13/11/2023; 335/Tha ngày 21/12/2020; 732/THA ngày 27/03/2023 ; 890-891-892-893-894-895-896-897-898-899-900-901-902-903-904-905-906-907-908-909- 910-911-912-913-914-915/ THA ngày 11/03/2024; 978-979-980-981-982-983-984-985-986-987-988-989-990-991-992-993-994-995-996-997 ngày 18/03/2024; 998-999-1000-1001-1002-1003-1004-1005-1006-1007-1008-1009-1010-1011-1012/ THA ngày 19/03/2024; 929 /THA ngày 14/03/2024; 884/THA ngày 07/03/2024; 1023/

THA ngày 26/03/2024 ;1108-1109-1110/QĐ-CCTHADS ngày 08/04/2024; 1125/QĐCCTHADS ngày 15/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 42/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu

Căn cứ Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 09-10/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Căn cứ hợp đồng thẩm định giá số : 2714/ HĐTV-TĐG ngày 22/05/2024 giữa Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Căn cứ kết quả thẩm định giá theo chứng thư số: 009/2024/071932 ngày 22 tháng 05 năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Đồng Nai;

Căn cứ thông báo về kết quả thẩm định giá tài sản 301/TB-CCTHADS ngày 24/07/2024 của của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Căn cứ thông báo về thỏa thuận tổ chức bán đấu giá tài sản 310/TB-CCTHADS ngày 24/07/2024 của của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu

**Nay, Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản thi hành án với nội dung sau:**

**I. Người có tài sản bán đấu giá giá:**

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

. **Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1066, tờ bản đồ địa chính số 37, diện tích 36985,5 m<sup>2</sup>** . Bản đồ địa chính xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Được Sở TNMT tỉnh Đồng Nai cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CS 276946 số vào sổ cấp GCN : CT 47580 do Giám đốc sở TN và MT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/11/2019 đứng tên Công Ty THHH Tuấn Lộc . Thay đổi tên từ Công Ty TNHH Tuấn Lộc thành Công ty TNHH SX Nội Thất Mỹ ngày 07/10/2020.

1. Thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 37
2. Địa chỉ xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
3. Diện tích 36985,5 m<sup>2</sup> ( trong đó diện tích được cấp : 36985,5 m<sup>2</sup> ; không được cấp : 0,0m<sup>2</sup>)

4. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

5. Mục Đích sử dụng : đất cụm công nghiệp

6. Thời hạn sử dụng đến ngày 24/09/2053.

7. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần 35.936,9m<sup>2</sup>

Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. 1048,6m<sup>2</sup>

. **Công trình xây dựng trên đất được cấp giấy chứng nhận sở hữu (thuộc đây chuyên sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu):**

1. Nhà văn phòng diện tích 257,4m<sup>2</sup>. Xây 02 tầng.

2. Trạm Bơm diện tích 9m<sup>2</sup>

3. Nhà Xưởng 4 diện tích 6.048m<sup>2</sup>

4. Nhà xưởng 5 diện tích 6.048m<sup>2</sup>

5. Phòng sơn diện tích 3.888 m<sup>2</sup>

6. Nhà kho thành phẩm 1.296 m<sup>2</sup>

7. Nhà xe 1 diện tích 126m<sup>2</sup>

8. Nhà bảo vệ 1 diện tích 9m<sup>2</sup>

9. Nhà phục vụ cán bộ ( nhà ăn) 248,8m<sup>2</sup>

10. Khu vệ sinh diện tích 40 m<sup>2</sup>

**. Công trình xây dựng trên đất chưa được cấp giấy chứng nhận sở hữu (thuộc dây chuyền sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu):**

1. Nhà chứa công cụ sơn diện tích 54m<sup>2</sup>

2. Nhà pha sơn diện tích 119m<sup>2</sup>

3. Kho chứa sơn diện tích 120m<sup>2</sup>

4. Đường bê tông nhựa nóng diện tích 6.093m<sup>2</sup>

5. Tường rào+ cổng dài 696m

6. Nhà bảo vệ 2 diện tích 22,8m<sup>2</sup>

7. Nhà vệ sinh ( bên hông nhà lên công tene)

8. Chòi canh diện tích 4m<sup>2</sup>

9. Khu xử lý nước, diện tích bể nước 53,8m<sup>2</sup>

10. Mái che sau nhà lên contene diện tích 298,8m<sup>2</sup>

11. Nhà chứa máy nén khí diện tích 174,4m<sup>2</sup>.

12. Nhà vệ sinh gần nhà máy nén khí diện tích 42, 64m<sup>2</sup>.

13. Xi lô chứa mùn cưa

14. Mái che nói 2 nhà xưởng diện tích 442m<sup>2</sup>

15. Nhà kho trước nhà xưởng nhám diện tích 439,2m<sup>2</sup>

16. Nhà để máy bơm (2) diện tích 10,2m<sup>2</sup>

17. Tháp Nước

18. Bể chứa nước phòng cháy chữa cháy.

**. Máy Móc thiết bị thuộc hạng mục nhà xưởng sản xuất (thuộc dây chuyền sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu):**

(gồm có 135 hạng mục theo biên bản kê biên)

**. Máy móc thiết bị thuộc khu vực xưởng sơn ((thuộc dây chuyền sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu):**

(gồm có 33 hạng mục theo biên bản kê biên)

**. Máy móc thiết bị xưởng đóng gói (thuộc dây chuyền sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu):**

(gồm có 09 hạng mục theo biên bản kê biên)

**. Máy móc thiết bị ở kho phía sau xưởng đóng gói ( hư hỏng)**

(gồm có 91 hạng mục theo biên bản kê biên)

**. Máy móc thiết bị phía sau xưởng sơn (thuộc dây chuyền sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu):**

1. Máy Biến áp 1250KVA

2. Máy phát điện 560KW( V6) 3 pha

3. Phát phát điện Komatsu 400KW 3 pha

4. Hệ thống nén khí 06 máy nén khí

5. Hệ thống tủ nguồn tủ điều khiển điện

6. Động cơ chữa cháy trước xưởng sơn

7. Máy bơm chữa cháy Tohatsu

**. Thiết bị trong nhà văn phòng( theo biên bản kê biên)**

**. Tình trạng tất cả các máy móc thiết bị liệt kê theo biên bản kê biên ( không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong, các máy đã ngưng hoạt động lâu ngày).**

**Tổng giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định:**

Quyền sử dụng đất: 97.029.630.000 đồng

Nhà cửa vật kiến trúc: 36 775 928 900 đồng



Máy móc thiết bị: 6.056.801.000 đồng

**II/ Giá khởi điểm bán đấu giá là : 139.362.000.000đ (một trăm ba mươi chín tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu đồng)**

**III/ Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:**

**Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:**

- Khoản 4, điều 56 Luật đấu giá tài sản và bảng tiêu chí kèm theo Quy trình lựa chọn Tổ chức thẩm định giá ban hành kèm theo quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá tài sản như nêu trên.

- Phương thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá.

- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín trong việc bán đấu giá tài sản trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

- Thủ lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá phù hợp theo quy định của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá do Bộ Tư pháp và Cục Thi hành án dân sự Đồng Nai công bố.

**IV/ Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc liên tiếp kể từ ngày đăng thông báo .

2. Hồ sơ của tổ chức đấu giá tài sản ( 02 bộ) gồm : Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản, hồ sơ năng lực và các tài liệu khác có liên quan.

Tổ chức đấu giá tài sản cung cấp bản chính hoặc bản sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Cơ quan thi hành án dân sự không hoàn trả hồ sơ đối với các tổ chức đấu giá tài sản không được lựa chọn.

3. Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại văn phòng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai( nộp trong giờ hành chính)

**Địa chỉ nộp hồ sơ:** Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**Nơi nhận:**

- Trang thông tin điện tử Cục THADS Đ/N;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về DGTS;
- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân V/C;
- Lưu: VT, HSTHA.



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Nguyễn Ngọc Trung**

**DÍNH KÈM**

Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC TỐI ĐA</b>
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>23,0</b>
<b>1</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>11,0</b>
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
<b>2</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>8,0</b>
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
<b>3</b>	<b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>	<b>2,0</b>
<b>4</b>	<b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>	<b>1,0</b>
<b>5</b>	<b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>	<b>1,0</b>
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>22,0</b>
<b>1</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</b>	<b>4,0</b>
<b>2</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>	<b>4,0</b>
<b>3</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá</b>	<b>4,0</b>
<b>4</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</b>	<b>4,0</b>



5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>45,0</b>
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0

3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0

1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
I	Tổ chức đấu giá có nhiều chi nhánh và văn phòng đại diện nhất ( 3đ ) và có số lượng Đấu giá viên nhiều nhất ( 2đ )	5,0
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện